

Số: 52/2023/HS-ST

Ngày: 22/6/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cảnh

Thẩm phán: Ông Bùi Trọng Danh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Hồng Vân

Ông Đoàn Ngọc Đăng

Ông Hoàng Văn Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Quang Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2023/TLST-HS ngày 11 tháng 5 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2023/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Khắc T, sinh ngày 09/10/1982 tại Hà Nội; Nơi cư trú: Tổ 107 phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Khắc Q và bà Nguyễn Thị K; Có vợ là Nguyễn Thị T (sinh năm 1986) và có 03 con (con lớn nhất sinh năm 2007, con nhỏ nhất sinh năm 2015). Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang tạm giam từ ngày 21/9/2022. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khắc T: Luật sư Nguyễn Văn Tu thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng. Bào chữa theo chỉ định của Tòa án. Có mặt.

- Bị hại: Anh Lê Công D, sinh ngày 09/01/1988; Nơi cư trú: Tổ 27 phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh ngày 22/7/1977; Nơi cư trú: 127 Phạm Phú T, tổ 73 phường K, quận C, thành phố Đà

Năng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Khắc T và anh Lê Công D (sinh năm 1988; Trú tại tổ 27, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng) có mối quan hệ quen biết với nhau khi cùng làm việc tại Bệnh viện 199 - Bộ Công an. Từ ngày 24/07/2018 đến ngày 21/09/2018, T 03 lần mượn tiền anh D với tổng số tiền là 170.000.000 đồng. Sau khi tiêu xài cá nhân hết số tiền trên, để tiếp tục mượn tiền của anh D, T nảy sinh ý định làm giả 01 Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đưa cho anh D làm tin, tiếp tục vay tiền rồi chiếm đoạt.

Khoảng giữa tháng 09/2018, thông qua mạng xã hội Facebook, T liên hệ với một người (chưa rõ lai lịch) cung cấp thông tin của mình đặt làm giả 01 “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, đứng tên ông Nguyễn Khắc T, sinh năm: 1982, số CMND: 201770953 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1986, số CMND: 201813575, cùng trú tại: tổ 107, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Số hiệu CC 900155, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Chung cư người thu thập thấp tại khu tái định cư B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng” với giá 1.500.000 đồng. Sau khi nhận được Giấy chứng nhận giả trên, T đã sử dụng Giấy chứng nhận giả này để tạo lòng tin và tiếp tục vay tiền của anh D rồi chiếm đoạt, cụ thể: Từ ngày 26/09/2018 đến ngày 19/11/2018, T đã 04 lần mượn của anh D với tổng số tiền: 550.000.000 đồng. Sau khi có được tiền, T bỏ trốn và tiêu xài hết số tiền chiếm đoạt, đến ngày 21/09/2022, T đến đến Công an tỉnh Gia Lai đầu thú.

Tại Kết luận giám định số 06 ngày 23/02/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số hiệu CC 900155 là giả.

Tại Kết luận giám định số 86 ngày 11/08/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Đà Nẵng kết luận: Chữ viết có màu mực xanh trên mẫu cần giám định ký hiệu A (đơn trình báo ghi ngày 16/03/2021) so với chữ viết đứng tên Nguyễn Khắc T trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 (01 lý lịch tự khai, 01 bài kiểm tra chuyên môn, 01 bản nhận xét đánh giá cán bộ năm 2014, 01 bản nhận xét đánh giá cán bộ năm 2016) do cùng một người viết ra.

Vật chứng thu giữ và xử lý:

- 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giả), đứng tên ông Nguyễn Khắc T, sinh năm: 1982, số

CMND: 201770953 và bà số CMND: 201770953 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1986, số CMND: 201813575, cùng trú tại: tổ 107, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Số hiệu CC 900155, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Chung cư người thu thập thấp tại khu tái định cư B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, nhà ở: Căn hộ chung cư số 8B-22, diện tích: 53,5m².

- 01 đơn trình báo của Nguyễn Khắc T, sinh ngày: 09/10/1982, số CMND: 201770953 cấp ngày 12/05/2016 tại CATP Đà Nẵng viết vào ngày 16/03/2021 do bà Nguyễn Thị Thu H giao nộp.

(Các tài liệu này lưu theo hồ sơ vụ án).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Công D yêu cầu Nguyễn Khắc T bồi thường 550.000.000 đồng tiền T lừa đảo chiếm đoạt. T đã tác động gia đình bồi thường 100.000.000 đồng, anh D yêu cầu T tiếp tục bồi thường số tiền còn lại.

Tại bản cáo trạng số 55/CT-VKS-P2 ngày 09/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn Khắc T về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng đối với bị cáo Nguyễn Khắc T về các tội: Tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc T mức án từ 8 đến 9 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Khắc T mức án từ 3 đến 4 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã trả cho bị hại 100.000.000 đồng nên đề nghị buộc bị cáo phải trả số tiền 450.000.000 đồng còn lại cho bị hại.

* Bị cáo Nguyễn Khắc T khai nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên bị cáo cho rằng bị cáo chỉ phạm 2 tội là: tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của bị cáo đã được xem xét xử lý trong tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

* Luật sư Nguyễn Văn Tu bào chữa cho bị cáo Nguyễn Khắc T cũng cho rằng bị cáo phạm 2 tội: tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”. Riêng hành vi sử dụng giấy tờ giả của bị cáo là thủ đoạn gian dối đã là yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên không thống nhất cáo trạng cũng như quan điểm luận tội của Đại diện VKS về việc truy tố bị cáo theo Điều 341 BLHS với cả 2 hành vi: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức. Luật sư đề nghị HĐXX xem xét thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải của bị cáo cũng như việc bị cáo tác động gia đình khắc phục 1 phần hậu quả cho bị hại, cha bị cáo có công cách mạng, quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen và danh hiệu cao quý để xử phạt bị cáo mức án dưới mức đề nghị của đại diện VKS.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Luật sư và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Qua xem xét lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Khắc T, lời khai của bị hại, quan điểm luận tội của đại diện VKS, luận cứ bào chữa của Luật sư cùng các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Mặc dù căn hộ chung cư số 8B-22 Khu chung cư thu nhập thấp B thuộc phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng vợ chồng bị cáo Nguyễn Khắc T đã chuyển nhượng cho người khác vào ngày 28/8/2018, nhưng khoảng giữa tháng 9/2018, thông qua mạng xã hội Nguyễn Khắc T đã đặt người khác làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với căn hộ trên mang tên Nguyễn Khắc T, Nguyễn Thị Th. Sau khi có được giấy tờ giả trên, từ ngày 26/9/2018 đến 19/11/2018, Nguyễn Khắc T đã dùng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thế chấp để anh Lê Công D tin tưởng cho T mượn tiền nhiều lần tổng cộng là 550.000.000 đồng, rồi T chiếm đoạt tiêu xài cá nhân và sau đó bỏ trốn.

Hành vi trên của bị cáo Nguyễn Khắc T đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện VKS giữ nguyên quan điểm truy tố như cáo trạng là truy tố bị cáo về 2 tội gồm: tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS. Trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng cũng xác định truy tố bị cáo cả 2 hành vi: làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức nhưng lại truy tố chung trong 01 tội theo Điều 341 BLHS và đề nghị chung 01 hình phạt là từ 3 – 4 năm tù. HĐXX thấy rằng nội dung của Điều 341 BLHS là quy định 2 tội ghép chung trong 1 điều luật là tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” và tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” chứ không phải là ghép 2 hành vi: làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng 01 tội. Việc Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo đối với cả 2 hành vi: Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức và Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong cùng 01 tội và đề nghị chung 01 hình phạt (3 – 4 năm tù) là không có căn cứ, không đúng theo tinh thần nội dung của điều luật (Điều 341). Mặt khác xét thấy hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức của bị cáo là hành vi gian dối đã là yếu tố, là điều kiện cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và trong vụ án này bị cáo đã bị truy tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS nên không thể xem xét xử lý bị cáo thêm về tội “Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Do đó HĐXX chỉ xét xử bị cáo về 2 tội: Tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 BLHS và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 BLHS.

[3] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Đây là vụ án có tính chất đặc biệt nghiêm trọng. Bị cáo đã làm giả giấy tờ và đã gian dối dùng giấy tờ giả để lừa đảo chiếm đoạt tiền của người bị hại nhiều lần, với tổng số tiền lớn trên 500.000.000đ. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; Xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính Nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục và răn đe phòng ngừa chung.

[4] Về các tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã dùng giấy tờ giả đưa cho người bị hại Lê Công D làm tin để thực hiện chiếm đoạt tiền của bị hại 4 lần. Vì vậy, bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

[5] Về các tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; Bị cáo đã tác động gia đình khắc phục cho bị hại số tiền 100.000.000đ, bị cáo ra đầu thú; cha bị cáo có công cách mạng, quá trình công tác được tặng nhiều bằng khen và danh hiệu cao quý. Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cho bị cáo khi lượng hình. Xét thấy cần áp dụng thêm khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo dưới mức khởi điểm của khung hình phạt đối với tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là cũng thỏa đáng.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là anh Lê Công D xác nhận gia đình bị cáo đã bồi thường cho anh D số tiền 100.000.000 đồng. Còn lại số tiền 450.000.000 đồng bị hại yêu cầu buộc bị cáo phải bồi thường. Xét thấy yêu cầu của người bị hại là có căn cứ, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 450.000.000 đồng còn lại.

[7] Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ các tài liệu dưới đây tại hồ sơ vụ án:

- 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giả), đứng tên ông Nguyễn Khắc T, sinh năm:1982, số CMND: 201770953 và bà số CMND: 201770953 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1986, số CMND: 201813575, cùng trú tại: tổ 107, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Số hiệu CC 900155, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Chung cư người thu thập thấp tại khu tái định cư B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, nhà ở: Căn hộ chung cư số 8B-22, diện tích: 53,5m².

- 01 đơn trình báo của Nguyễn Khắc T, sinh ngày: 09/10/1982, số CMND: 201770953 cấp ngày 12/05/2016 tại CATP Đà Nẵng viết vào ngày 16/03/2021 do bà Nguyễn Thị Thu H giao nộp.

[8] Đối với những vấn đề khác liên quan đến vụ án:

Đối với số tiền là 170.000.000 đồng, Nguyễn Khắc T mượn của anh Lê Công D từ ngày 24/07/2018 đến ngày 21/09/2018 là quan hệ dân sự giữa T và anh D, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng không xử lý trong vụ án này là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Khắc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo **Nguyễn Khắc T** phạm các tội: Tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**” và tội “**Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức**”

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Khắc T 08 (Tám) năm** tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2.2. Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Khắc T 03 (Ba) năm** tù về tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”

2.3. Căn cứ Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả 2 tội, buộc bị cáo Nguyễn Khắc T phải chấp hành hình phạt là **11 (Mười một) năm tù**, Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/9/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự: căn cứ Điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS:

Buộc bị cáo Nguyễn Khắc T phải bồi thường cho anh Lê Công D số tiền 450.000.000đ (Bốn trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ khi án có hiệu lực, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người có nghĩa vụ thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ bồi thường thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự. Các đương sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015

Tuyên: Tiếp tục tạm giữ để lưu giữ tại hồ sơ vụ án:

- 01 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (giả), đứng tên ông Nguyễn Khắc T, sinh năm:1982, số

CMND: 201770953 và bà số CMND: 201770953 và bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1986, số CMND: 201813575, cùng trú tại: tổ 107, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng; Số hiệu CC 900155, thửa đất số 7, tờ bản đồ số 28, địa chỉ: Chung cư người thu thập thấp tại khu tái định cư B, phường N, quận S, thành phố Đà Nẵng, nhà ở: Căn hộ chung cư số 8B-22, diện tích: 53,5m².

- 01 đơn trình báo của Nguyễn Khắc T, sinh ngày: 09/10/1982, số CMND: 201770953 cấp ngày 12/05/2016 tại CATP Đà Nẵng viết vào ngày 16/03/2021 do bà Nguyễn Thị Thu H giao nộp.

5. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Khắc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 22.000.000đ (Hai mươi hai triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đà Nẵng;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Phòng HSNV CATPĐN;
- Cục THADS TP Đà Nẵng;
- Sở tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Cảnh